

Số: 1814/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 07 tháng 11 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công hoàn thành công trình  
Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và cải tạo hệ thống cấp nước  
sinh hoạt tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành số 535/BC-STC ngày 03/11/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt tại Cơ sở cai nghiện ma túy.

2. Chủ đầu tư: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

3. Địa điểm xây dựng: trong khuôn viên cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh tại Km10, Quốc lộ 1A cũ, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Thời gian: khởi công tháng 8/2021; hoàn thành tháng 10/2022.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	5.261.758.212	5.213.618.000

1	Xây dựng	2.666.785.093	2.664.292.000
2	Thiết bị	2.050.000.000	2.027.600.000
3	Quản lý dự án	130.626.804	130.549.000
4	Tư vấn	356.870.650	342.907.000
5	Chi phí khác	52.214.677	48.270.000
6	Chi phí dự phòng	5.260.988	0

## 2. Vốn đầu tư

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị được quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7
<b>Tổng số</b>		<b>5.261.758.212</b>	<b>5.213.618.000</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>1.613.618.000</b>	<b>0</b>
1	Nguồn vốn đầu tư công	0	0	0	0	0
2	Vốn khác (NS tỉnh)	5.261.758.212	5.213.618.000	3.600.000.000	1.613.618.000	0

## 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
<b>Tổng số</b>				<b>5.213.618.000</b>	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			5.213.618.000	
2	Tài sản ngắn hạn			0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>		<b>5.213.618.000</b>	

1	Nguồn vốn đầu tư công	0	
2	Vốn khác (Ngân sách tỉnh)	5.213.618.000	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng phải thu: 0 đồng;
- Tổng nợ phải trả: 1.613.618.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 đính kèm)

1.3. Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản.

2.1. Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn	5.213.618.000	

2.2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng: TH, NC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đương Xuân Huyền**

**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**  
 (Kèm theo Quyết định số: 1814/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng số</b>		<b>5.213.618.000</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>1.613.618.000</b>	-	
1	Liên danh Công ty TNHH MTV xây dựng Khôi Đức – Công ty cổ phần xây dựng Tân Vũ	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình	4.691.892.000	3.212.000.000	1.479.892.000	-	
2	Công ty TNHH MTV Tư vấn & Xây dựng Hà Sơn Hải	Chi phí Quản lý dự án	130.549.000	77.082.000	53.467.000	-	
3	Công ty cổ phần xây dựng 10A	Chi phí khảo sát, lập BCKTKT	247.918.000	247.918.000	-	-	
4	Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển Thành Nam	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT thi công xây dựng + thiết bị	15.689.000	-	15.689.000	-	
5	Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Hà Minh	Chi phí giám sát thi công + thiết bị	79.300.000	63.000.000	16.300.000	-	
6	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Hùng Vương	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC; kết quả LCNT	4.100.000	-	4.100.000	-	
7	Sở Tài Chính	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	27.841.000	-	27.841.000	-	
8	Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	15.806.000	-	15.806.000	-	
9	Sở Xây dựng	Lệ phí thẩm định Báo cáo KT-KT	523.000	-	523.000	-	